

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI VỀ ĐỀ TÀI ĐÔ THỊ QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

ĐỖ THANH HƯƠNG*

Ngày nhận bài: 10/08/2016; ngày sửa chữa: 12/08/2016; ngày duyệt đăng: 16/08/2016.

Abstract: The paradigm shift of thinking in literary arts led to the change of literary discourse in modern period, particularly in the novel genre. Urbanization with new rhythm of life requires new discourses, therefore writing about urban, contemporary Vietnamese novels have shown a new discourse of life in the opening time with the appearance of borrowed language, mixed, flippant language, sidewalk language and the combination of many language styles. The modernity and the complexity, the interlocking of contemporary Vietnamese novel language is the voice of a chaotic society, the obsolescence - the newness, the goodness - the badness, hidden behind the upper shell, the understanding is the "inferior" vulgar psychology. That is the effort in renovating artistic novel, the transformation of discourse in contemporary literature.

Keywords: Language, novel language, contemporary novels, discursion, artistic novel.

“**Y**ếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó và - cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống - nó là chất liệu của văn học” (M. Gorki). Đường lối đổi mới của Đảng từ đại hội Đảng VI (1986) đã tác động và làm thay đổi hệ hình tư duy nghệ thuật trong văn học dẫn đến sự thay đổi của diễn ngôn văn học trong thời kỳ này, đặc biệt ở thể loại tiểu thuyết. Theo M. Bakhtin, sự cách tân ngôn ngữ tiểu thuyết thời kỳ đổi mới trên thực chất là nỗ lực gia tăng chất “văn xuôi” cho tiểu thuyết. Quá trình đô thị hóa cùng với nhịp sống mới đòi hỏi những diễn ngôn mới. Đó là cơ sở dẫn đến những thay đổi về ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ trần thuật nói riêng trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

Khát vọng làm mới tiểu thuyết ngày càng thu hút nhiều thế hệ người cầm bút, nhất là những cây bút trẻ. Để làm sáng tỏ đặc điểm ngôn ngữ của tiểu thuyết Việt Nam đương đại về đề tài đô thị, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu tiểu thuyết của một số tác giả: Tạ Duy Anh (*Thiên thần sám hối*), Nguyễn Việt Hà (*Cơ hội của Chúa, Khải huyền muộn, Ba ngôi của người*), Hồ Anh Thái (*Cõi người rung chuông tận thế, SBC là săn bắt chuột, Mười lẻ một đêm*), Nguyễn Đình Tú (*Kín*)... Họ là những nhà văn đang độ sung sức và có độ chín nhất định. Họ đã và đang tìm tòi, thể nghiệm, sáng tạo trong nỗ lực cách tân, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới tư duy và nghệ thuật tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

1. Ngôn ngữ vay mượn, pha tạp

Khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, hiện đại hóa thì sự hội nhập kinh tế, giao lưu văn hóa càng có

điều kiện mở rộng. Quá trình đô thị hóa gắn liền với sự du nhập của văn minh phương Tây để lại dấu ấn không chỉ ở cảnh quan, lối sống mà còn in đậm trong ngôn ngữ. Người người đua nhau học tiếng Tây, nói tiếng Tây. Trong tiểu thuyết đương đại viết về đề tài đô thị, các từ nước ngoài xuất hiện với tần suất cao (ở dạng nguyên văn hoặc phiên âm) thể hiện những dụng ý nghệ thuật của người viết.

Khi cần dựng lên một xã hội đang Âu hóa, tiếng nước ngoài nguyên văn là đắc dụng hơn cả. Cả một xã hội vật chất ngôn ngôn những sản phẩm tiêu dùng cao cấp ngọt ngào trên những trang viết với rượu *Whisky, Cognac, John đen, Hennessy,...*; thuốc *Hero, Marlboro, 555, Dunhill...*; xe hàng hiệu: *Lexus, Mercedes, BMW, Toyota...* Chưa kể đến sự xuất hiện nhan nhản của những câu cửa miệng như *ok, merci, hello...* hoặc những từ chỉ sự vật đã trở nên quen thuộc: *tivi, salon, telephone, computer...*

Khi cần thể hiện thái độ châm biếm, tiếng nước ngoài được phiên âm theo kiểu giễu nhại. **Khải huyền muộn** (Nguyễn Việt Hà) giễu nhại một cán bộ cao cấp qua phát ngôn đậm đặc những từ nước ngoài: “Trung tuần tháng tới tôi sẽ phải chủ trì một cuộc hội thảo ngôn ngữ học. Việc của tôi chỉ là việc đọc hai bài *đít cua* cho buổi khai mạc và bẻ mạt dài chừng hai trang rưỡi *A bốn*. Tôi không cần hiểu mình đọc gì nhưng tôi cần cái *pronunciation*, làm sao cho cái giọng đỡ bô” [1; tr 252]. Phát ngôn ấy, tự nó đã “tố cáo” cái sự dốt nát ngoại ngữ và cái “sinh ngoại” của chủ thể phát ngôn.

* Trường Trung học phổ thông Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội

Tiếng nước ngoài được sử dụng thuần thục đến mức dùng để chơi chữ như tiếng mẹ đẻ. Nhân vật “tôi” trong **Cõi người rung chuông tận thế** (Hồ Anh Thái) đã giới thiệu về cháu mình: “Nó tên là Công. Lũ bạn gọi nó là Cốc. Cốc đọc chệch đi thì được một cái tên Mĩ - Cock. Cock là con gà trống, vừa có nghĩa là cái vật ngo nguậy giữa đôi chân một gã trai. Cả hai nghĩa đều đúng với thằng Cốc” [2; tr 8]. Nhà văn Hồ Anh Thái đã dùng từ đồng âm *The Apocalypse* (nghĩa là ngày tận thế) để giễu nhại cuộc hôn phối của đồng tiền và trí thức: “*Anh Thế hầu như không nhận tiền thanh toán các bữa tiệc của quý phu nhân. Cũng như vậy với những cái ô khác. Những cái ô này đủ che cho khách sạn The Apocalypse cho tới ngày tận thế*” [8; tr 46]. *Pa-pa Hữu* - cha Hữu (**Thiên thần sám hối**) vốn là tổng biên tập tờ báo tỉnh nhưng tha hóa, sa đọa, khiến cô phóng viên Giang - con nuôi của *pa-pa Hữu* - không thể phân biệt cái thai trong bụng mình là của chồng hay của cha nuôi. Mang danh là “cha” nhưng bản chất lại là một con quỷ dâm dục.

Cách sử dụng ngôn ngữ vay mượn, pha tạp này đem lại tính “lạ hóa” cho văn chương. Sự vật, hiện tượng được gọi theo tên gọi mới, được soi chiếu ở điểm nhìn mới đem lại sự hấp dẫn, thú vị cho người đọc. Không chỉ thế, sự pha trộn ngôn ngữ trên phản ánh sự tạp loạn trong xã hội đô thị đương đại: cũ - mới, tốt - xấu, ẩn sau cái vỏ thượng lưu, hiểu biết là tâm lí “hạ đẳng”, dung tục.

2. Ngôn ngữ đời thường, suông sã, “vĩa hè”

Nếu giai đoạn 1945-1975, ngôn ngữ trong tiểu thuyết thường mang đậm tính văn chương thì đến tiểu thuyết đương đại, ngôn ngữ đời thường tràn vào ồ ạt, không màu mè mà thông tục, suông sã, thậm chí vĩa hè. Các tiểu thuyết gia đương đại không còn coi tiểu thuyết là miền thánh địa cao sang mà đưa tiểu thuyết về vùng đất hiện thực thô ráp đời thường. Ngôn ngữ tiểu thuyết Việt Nam đương đại dần bớt đi vẻ trang trọng, thi vị, du dương mà tăng thêm chất thô mộc, gai góc, sống động của cuộc sống. Việc đưa ngôn ngữ đời thường, nhất là dạng ngôn ngữ bị xem là thô tục vào văn chương không phải là việc chưa từng có nhưng chưa bao giờ ngôn ngữ đời thường ủa vào tiểu thuyết với một mức độ “bạo liệt” như trong các tiểu thuyết đương đại mang cảm quan đô thị.

Ngôn ngữ đời thường được thể hiện ngay từ cách xưng hô. Kiểu xưng hô suông sã “mày - tao” hay cách nói trống không rất phổ biến. Đây là cuộc đối thoại của Hoàng với Bích trong **Cơ hội của Chúa**:

“Hai bố con mày ăn cơm chưa?”

Đang định nhin. Thằng ôn con nhà tao có lẽ

là đạo sĩ yoga bấm sinh. Hầu như nó không bao giờ kêu đói.

Uống chút gì nhớ?

Ừ.

Tao còn ít tiền. Ăn nhà hay ra tiệm.

Mua về mày a. Mấy con mẹ hàng cơm đầu phố tao cảm số nhiều quá” [1; tr 242]

Nguyễn Việt Hà cắt bỏ hoàn toàn những dẫn dắt rườm rà để nhân vật trực tiếp bộc lộ thứ ngôn ngữ đời thường, suông sã.

Ngôn ngữ trần thuật trong tiểu thuyết không còn là lời nói quyền uy, cao đạo, bằng chứng là sự xuất hiện dày đặc của ngôn ngữ khẩu ngữ, ngôn ngữ vĩa hè trong các tác phẩm. Ngay trong đoạn đối thoại trên, những cụm từ “*thằng ôn con*”, “*mấy con mẹ hàng cơm*” trong câu trả lời của Bích là dạng ngôn ngữ như thế. Vấn nhân vật ấy, khi được hỏi quá khứ của Hoàng chắc cũng có nhiều người yêu, đã trả lời: “*Có chớ nào. Bọn lớp gọi thằng dở hơi này là tu sĩ, nói được vài câu với đàn bà thì sồn ra quân*” [1; tr 301]. Trong **Cơ hội của Chúa** còn xuất hiện cả những từ ngữ thô tục và những câu chữ thể “mang nguyên tính chất vĩa hè”. Khi Lâm quay lại xin Nhã tha thứ, cô đã quăng vào mặt hắn những lời chát chúa: “*Xéo đi với bộ mặt hôi hám của anh, anh tưởng tôi không biết chửi à? Cút mẹ anh đĩ*” [6; tr 109]. Những lời lẽ ấy đâu phải là của người trí thức (học sinh cũ) nói với trí thức (thầy giáo), càng không phải là ngôn ngữ của những người yêu nhau. Nhưng phải sử dụng ngôn ngữ như thế mới thấy hết tất cả sự uất ức của Nhã trước sự giả tạo, bội bạc của Lâm.

Tiếng lóng cũng được sử dụng phổ biến, đặc biệt trong các trường hợp tế nhị như chuyện tình dục. Tạ Duy Anh có cái biệt tài pha trò của một người nhà quê vốn rất trải đời nay đem ra giễu những kẻ sống ở thành phố. Ông thấy thành phố luôn có vẻ bí ẩn nhưng cũng là nơi rất xôm trò. Trước đây ông chỉ viết về nông thôn, người đọc thấy trong tác phẩm của ông là người nông dân vất vả với đồng đất, trâu bò, cày bừa, ngan ngỗng. Cái anh nhà quê vốn đã quen với cách nói “cái nào nói ra cái đấy” đã thu gom hết những từ ngữ nào là “*gợi cảm thiên đường*”, “*hơn cả sự gợi cảm*”, “*cảm giác thiên đường*”... cho đến lời nói trần tục nhất.

Những tiếng lóng, những “thành ngữ hiện đại” khiến cho ngôn ngữ tiểu thuyết trở nên sinh động, hài hước, gần gũi với ngôn ngữ đời thường, khác hẳn lối văn trang trọng truyền thống. Có lẽ khi con người ta chỉ nói đến toàn từ ngữ cao xa thì ngôn ngữ cũng sẽ bị hẫng về một phía, lời nói trần tục sẽ đem đến sự cân bằng trở lại?

Ngôn ngữ đời thường, thô tục, vĩa hè xuất hiện trong mọi mối quan hệ: công việc, bạn bè, tình yêu...;

ở mọi tầng lớp: dân lao động, bụi đời, giang hồ, đến cả văn nghệ sĩ, trí thức, cán bộ... Đó là thứ ngôn ngữ gần gũi với cuộc sống, mang hơi thở của cuộc sống đô thị. Tiếng nói ấy cho thấy một xã hội xô bồ, ồn ào, nhộn nhạo một cách thản nhiên, thô thiển - một hiện thực phong phú, sinh động, trần trụi và không thiếu những góc cạnh gồ ghề. Cái suông sã, thô tục, khi được sử dụng làm phương tiện kích ứng con người, nó có thể gây cười rất sảng khoái. Nhưng đằng sau đó là sự ái ngại đầy trắc ẩn trước những biến chuyển của con người trước nhịp sống đô thị.

3. Sự kết hợp nhiều phong cách ngôn ngữ

"Do yêu cầu cá thể hóa cao độ ngôn ngữ trần thuật nên tiểu thuyết thấm nạp nhiều kênh ngôn ngữ với các dạng thức lời nói khác nhau của các tầng lớp người trong xã hội. Với không khí dân chủ hóa của đời sống văn học, các nhà tiểu thuyết cũng sáng tạo các kiểu diễn ngôn tương ứng với vấn đề mà tiểu thuyết đề cập đến: diễn ngôn về văn học chán thương, về thể sự đời tư, về chiến tranh, về đề tài lịch sử, về tự truyện... Hơn lúc nào hết, trong thời kỳ đổi mới, nhà văn được giải phóng khỏi sự lệ thuộc vào một kênh ngôn ngữ, một loại hình giao tiếp thẩm mỹ đã được quy định và chi phối cách viết của họ một thời" [3]. Sự kết hợp các phong cách ngôn ngữ trong văn bản khiến tiểu thuyết trở thành bản giao hưởng của nhiều tiếng nói.

Hồ Anh Thái (*Cõi người rung chuông tận thế*) kết hợp ngôn ngữ góc cạnh đời thường với ngôn ngữ giàu chất thơ. Chất thơ của ngôn ngữ hướng con người tới những điều tốt đẹp, thanh lọc tâm hồn con người, tạo ra những rung động thẩm mỹ trong tâm hồn con người; chất đời thường của ngôn ngữ lại giúp nhà văn phản ánh được bộ mặt trần trụi của cuộc sống. Hồ Anh Thái kết hợp ngôn ngữ giàu chất thơ và ngôn ngữ đời thường bằng cách sử dụng biện pháp lặp từ, cách lặp nhịp điệu giống nguyên lí lặp lại của thơ. Kết hợp câu đặc biệt với câu hỏi tu từ cho ngôn ngữ tiểu thuyết là cách nhà văn kết hợp chất thơ với chất đời thường. Có thể thấy, trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái dày đặc kiểu câu đặc biệt, câu trùng lặp cấu trúc, cấu trúc sóng đôi những cách lặp từ, lặp câu rất độc đáo. Sự kết hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ thơ giúp Hồ Anh Thái xóa mờ khoảng cách giữa ngôn ngữ văn chương và ngôn ngữ cuộc sống, tạo ra một hệ thống ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, rõ ràng, rành mạch. Bằng sự kết hợp hai ngôn ngữ này, Hồ Anh Thái đã tiếp cận cuộc sống con người cả chiều rộng lẫn chiều sâu một cách sâu sắc, chân thực:

"Tôi choàng tỉnh dậy lúc gần sáng. Tiếng chuông chùa rung. Một tiếng chuông lớn và những tiếng chuông con. Một bản hòa âm những tiếng chuông xôn xao,

phấp phồng, vang động những lời cảnh báo. Tiếng chuông đổ tràn từ trên đỉnh núi xuống, vung vãi khắp bờ cát xung quanh, rơi vỡ vụn khắp trên mặt đất như những mảnh thủy tinh. Không gian đầy chật những mảnh vỡ lạnh canh, loang choang, loang xoang.

Chuông báo ngày tận thế rồi chẳng?

Tôi hầu như không cất mình dậy nổi. Không mở mắt ra nổi. Có lẽ tôi đã thực sự kiệt sức. Tôi sẽ không đến kịp giờ sám hối. Tôi đã rơi vào cõi hủy diệt. Chuông vẫn khua dồn dập xung quanh. Một núi mảnh thủy tinh vỡ vụn đổ ập xuống xung quanh. Tôi cứ lịm dần, lịm dần đi" [2; tr 193].

Tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà thường có sự kết hợp ngôn ngữ tôn giáo với ngôn ngữ văn chương. Ở cả ba tiểu thuyết *Cơ hội của Chúa*, *Khải huyền muôn*, *Ba ngôi của người*, màu sắc Kitô giáo rất đậm nét. Trong *Khải huyền muôn* có những trang nguyên chủ được xem là của linh mục Đức và cả trích dẫn Khải huyền trong Kinh Thánh. Nhân vật của Nguyễn Việt Hà còn thường xuyên tự đối thoại hướng đến Đức Chúa Trời: *"Mình chỉ tin vào đức Chúa duy nhất, thân xác chết, linh hồn có trường tồn?"; "mày là thằng giả dối Hoàng ạ. Giả dối với chính mày. Lại đem lương tâm ra mặc cả chắc... Hoàng, mày phải biết sợ Chúa chứ"...* Đến cuối cùng, khi câu chuyện kết thúc lại là một đối thoại khác, là một tranh luận khác kế tiếp về đạo đức. Sự tiếp nối những đối thoại tôn giáo của đức tin mang tên Nguyễn Việt Hà.

Trong ngôn ngữ tiểu thuyết còn đan xen cả hình thức ngôn ngữ thư tín, nhật kí, kịch... Nguyễn Đình Tú đưa vào *Kín* những trang nhật kí đan xen trong cốt truyện. Những trang viết riêng tư ấy là một cách để Nguyễn Đình Tú giới thiệu về nhân vật trong truyện - Bình "cáy", tác giả của cuốn nhật kí. Và từ dòng tự sự của Bình, các nhân vật khác của truyện xuất hiện: Kiên, Hoàn, Phương... Nguyễn Đình Tú đã sử dụng nhật kí như một cách để kể một câu chuyện khác từ điểm nhìn của Bình "cáy", song song với câu chuyện của người kể chuyện về Quỳnh. Đó cũng là một cách tạo nên kết cấu đặc biệt của *Kín* khi để Quỳnh (cùng Bụi đời chúa - Hoàn) phiêu lưu trong một hành trình riêng, tìm lại "cái cần tìm"; còn Kiên, Bình "cáy" lại ở một hành trình khác: tìm Quỳnh và tìm lại những người bạn ở phố ga. Những trang nhật kí kết thúc với cái chết của Bình nhưng hai hành trình kia chưa kết thúc. Quỳnh vẫn chưa biết cái mình cần tìm là gì, cô vẫn tiếp tục đi và Kiên cũng không bao giờ có thể tìm được cô với tư cách một người bảo vệ và cả với tư cách một người mang nợ chữ "trinh" của cô bé Lửa cháy.

Như vậy, sự kết hợp nhiều phong cách ngôn ngữ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại thực chất là để

tạo ra những điểm nhìn đa diện đối với sự kiện. Đó cũng là một cách tạo nên tính bất ngờ, hấp dẫn cho nghệ thuật trần thuật. Đó thực sự là một sự giải phóng tiểu thuyết khỏi kênh ngôn ngữ truyền thống; giải phóng nhà văn khỏi lối trần thuật thông thường.

* * *

Với những nỗ lực cách tân về hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết, nhất là ở bình diện ngôn ngữ, các nhà văn đã đưa tiểu thuyết đến gần hơn với đời sống. Cả một xã hội bề bộn, ồn ào, nhộn nháo, một xã hội tạp loạn cũ - mới, tốt - xấu, ẩn sau cái vỏ thượng lưu, hiểu biết là tâm lí “hạ đẳng”, dung tục cứ tự nhiên hiện lên trên trang viết như không hề có lần ranh giữa nghệ thuật và cuộc đời. Đặc điểm nổi bật nhất của ngôn ngữ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại về đề tài đô thị là tính hiện đại và tính phức hợp, đan cài. Đây là yếu tố quan trọng biến tiểu thuyết thành một bản giao hưởng nhiều bè để phản ánh thực tại ngổn ngang, hỗn độn của văn minh đô thị. Những dấu hiệu ấy cho thấy, tiểu thuyết Việt Nam đã dần chuyển mình theo nhu cầu nội tại của văn học dưới sự thúc đẩy của xã hội mà đóng góp đầu tiên rất quan trọng là sự thay đổi diện mạo của đời sống. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Việt Hà (1999). *Cơ hội của Chúa*. NXB Văn học.
- [2] Hồ Anh Thái (2007). *Mười lẻ một đêm*. NXB Đà Nẵng.
- [3] Nguyễn Bích Thu (2013). *Một vài cảm nhận về ngôn ngữ tiểu thuyết Việt Nam đương đại*. <http://vannghequandoi.com.vn>.
- [4] Bakhtin. M (2003). *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*. (Phạm Vĩnh Cư dịch). NXB Hội Nhà văn.
- [5] Nguyễn Việt Hà (2005). *Khải huyền muộn*. NXB Hội nhà văn.
- [6] Nguyễn Việt Hà (2014). *Ba ngôi của người*. NXB Trẻ.
- [7] Mai Hải Oanh (2007). *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1986-2006*. Viện Văn học.
- [8] Hồ Anh Thái (2004). *Cõi người rung chuông tận thế*. NXB Đà Nẵng.
- [9] Nguyễn Đình Tú (2014). *Kín*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

Thực hiện đổi mới giáo dục...

(Tiếp theo trang 61)

định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

[2] Bộ GD-ĐT (2015). *Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực quản lí hoạt động dạy học, giáo dục trong trường trung học cơ sở theo Mô hình Trường học mới*.

[3] Bộ GD-ĐT. *Công văn số 4606/BGDĐT-GDTrH ngày 8/9/2015 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn quy trình triển khai tập huấn tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo khoa học kĩ thuật và cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học*.

[4] Bộ GD-ĐT. *Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 8/10/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường học, trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng*.

[5] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (6/2016). *Kỉ yếu hội thảo khoa học “Đổi mới giáo dục tại Việt nam và khu vực châu Á - chia sẻ kinh nghiệm và các bài học thực tiễn*.

Phát triển đội ngũ giảng viên...

(Tiếp theo trang bìa 3)

cũng như chi phí đào tạo GV. Đồng thời, đề nghị Bộ có chính sách và điều phối chung việc huy động và tận dụng tối đa các nguồn hỗ trợ về GV cho các chương trình tiên tiến, như chương trình học giả VEF, Tổ chức giáo viên tình nguyện, Tổ chức giáo viên không biên giới, Tổ chức các giáo sư và nhà khoa học là người Việt ở các nước... □

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2008). *Đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015”*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Ban Chấp hành Trung ương. *Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục*.
- [4] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2006). *Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủy lợi giai đoạn 2006-2020*.
- [5] Phạm Văn Thuận (2016). *Quản lí đội ngũ giảng viên đại học - góc nhìn tự chủ và trách nhiệm xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.